

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO MÔN CHUYÊN SÂU CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

NCS. Cao Huy Tiến¹

Tóm tắt: Bằng phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy, chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng công tác đào tạo môn chuyên sâu cho sinh viên ngành giáo dục thể chất (GDTC) Trường Đại học Hùng Vương (ĐHHV), kết quả nghiên cứu một mặt tìm ra những mặt đã đạt được, những mặt còn hạn chế đồng thời sẽ là cơ sở khoa học để đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDTC, Trường Đại học Hùng Vương.

Từ khóa: Công tác đào tạo, Môn chuyên sâu, GDTC, Trường Đại học Hùng Vương

Abstract: Using regular scientific research, we conduct an assessment of the current situation of specialized training for students of Physical Education at Hung Vuong University. The research results show both achievements and shortcomings, and at the same time, become the scientific basis for proposing solutions to improve the quality of training in Physical Education faculty, Hung Vuong University.

Keywords: Training, Specialized subjects, Physical Education, Hung Vuong University

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua Đảng ủy, Ban giám hiệu trường ĐHHV đặc biệt quan tâm quan tâm chú trọng tới việc nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt là chất lượng đào tạo môn chuyên sâu đối với sinh viên (SV) ngành GDTC. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo môn chuyên sâu cho SV môn chuyên sâu GDTC vẫn còn rất nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Điều này được thể hiện qua việc thể lực chung của các Cònon yếu, dẫn tới nhiều SV đạt thành tích rất thấp trong các nội dung thi thực hành, số lượng SV không đạt đẳng cấp ở lần thi thứ nhất có số lượng lớn, SV đi thực tập gặp rất nhiều bỡ ngỡ khó khăn khi tiếp cận vào thực tế giảng dạy...

Vì vậy, cần tiến hành nghiên cứu thực trạng hoạt động đào tạo để xác định các mặt đã đạt được, các mặt còn hạn chế từ đó sẽ tìm ra các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo môn chuyên sâu cho SV ngành GDTC, Trường ĐHHV. Đây là vấn đề khoa học thực tiễn và có tính cấp thiết.

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn tọa đàm, điều tra khảo sát và toán thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng các yếu tố đảm công tác đào tạo của Khoa Nghệ thuật và Thể dục thể thao Trường ĐHHV.

2.1.1. Về cơ cấu tổ chức của Khoa

Khoa Nghệ thuật và Thể dục thể thao (NT và TDTT) được thành lập năm 2018, tiền thân là

Khoa NT và Khoa TDTT. Cơ cấu bộ máy của Khoa bao gồm: Ban lãnh đạo Khoa, các tổ chức chính trị đoàn thể, 03 bộ môn gồm: GDTC, Âm nhạc, Mỹ thuật và 01 trung tâm Phát triển NT và TDTT.

Nhìn chung Khoa NT và TDTT có cơ cấu tổ chức ổn định (Lãnh đạo khoa có 3 đồng chí trong đó có 1 trưởng khoa, 2 phó trưởng khoa. 27 giảng viên trong đó giảng viên GDTC có 15 đồng chí) đảm bảo việc tổ chức đào tạo ngành GDTC trong Trường ĐHHV.

2.1.2. Về đội ngũ giảng viên GDTC của Khoa NT và TDTT Trường ĐHHV

Chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng về đội ngũ giảng viên về số lượng, trình độ, tuổi, thâm niên công tác và chuyên môn (bảng 1 và 2)

Từ kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy: Với định hướng xếp hạng của Trường ĐHHV thuộc cơ sở đào tạo ứng dụng thì tỷ lệ tiến sĩ phải đạt 25%. Đồng thời Khoa NT và TDTT có đào tạo cử nhân ngành GDTC tức là SV sau khi tốt nghiệp sẽ trở thành giáo viên giảng dạy GDTC có trình độ đại học, vì vậy đây là tiêu chí bắt buộc phải đạt được. Tuy nhiên, tại thời điểm 2018 thì Khoa TDTT (nay là) Bộ môn GDTC chủ yếu là giảng viên có trình độ thạc sĩ với 12/15 người chiếm tỷ lệ 80,0%, trình độ tiến sĩ không có giảng viên nào, trình độ cử nhân có 3/15 người chiếm tỷ lệ 20,0%. Vì vậy, đây là vấn đề then chốt cần có giải pháp phát triển để trình độ giảng viên của Bộ môn đáp ứng được theo tiêu chuẩn cơ sở đào

tạo theo định hướng ứng dụng. Đồng thời cũng là yêu cầu cần thiết để nâng cao công tác đào tạo giáo viên GDTC của Khoa NT và TDTT, Trường ĐHHV.

Khi xem xét dưới góc độ chuyên sâu đã được đào tạo của giảng viên cho thấy nhóm giảng viên theo chuyên sâu như sau: Điền kinh 4 người chiếm tỉ lệ 26,6% , Bóng chuyền, Bóng ném, Bơi, Quản lý mỗi môn chỉ có 1 người chiếm 6,7%; Cầu lông 02 người chiếm tỉ lệ 13,3%, Thể dục có 3 người chiếm tỉ lệ 20,0%; So sánh với chương trình cho thấy sự không phù hợp về đầu giảng viên so với môn chuyên sâu đào tạo. Môn điền kinh và thể dục có số lượng giáo viên cơ bản đáp ứng được chương trình đào tạo. Tuy nhiên môn bóng chuyền chỉ có 1 giáo viên. Đặc biệt môn bóng đá, võ, cờ vua ... không có giáo viên chuyên sâu,

Về đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên phân bố theo độ tuổi được trình bày ở bảng 2.

Kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: Phân bố giảng viên của Khoa NT và TDTT, Trường ĐHHV còn chưa đồng đều ở các nhóm tuổi, chủ yếu phân ở nhóm dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 53,3% và nhóm tuổi 30- 40 tuổi cũng chiếm 33,3%. Nhóm tuổi 51- 60 tuổi chiếm tỷ lệ 13,3%, Nhóm tuổi 41 – 50 không có ai. Kết quả thống kê cho thấy đây là một tồn tại cần có sự khắc phục trong thời gian dài. Song thách thức này cũng là cơ hội, điều kiện cần thiết để nhà trường nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên thông qua tham gia các chương trình đào tạo tiến sĩ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

2.1.3. Về chế độ chính sách đào tạo đối với giảng viên

Trường ĐHHV và Khoa NT và TDTT luôn đảm bảo tốt việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước đối với cán bộ, công nhân viên nhà trường. Đặc biệt, nhà trường luôn vận dụng chính sách, chế độ, điều kiện để bồi dưỡng giảng viên

Bảng 1. Thống kê giảng viên chuyên sâu theo trình độ và chuyên sâu đào tạo của Khoa NT và TDTT năm học 2017 - 2018

TT	Chuyên sâu	Tiến sĩ		Thạc sĩ		Cử nhân		Tổng	Tỷ lệ %
		n	%	n	%	n	%		
1	Bóng chuyền			1	6.67			1	6.67
2	Bóng bàn			1	6.67	1	6.67	2	13.33
3	Bóng ném			1	6.67			1	6.67
4	Bơi					1	6.67	1	6.67
5	Cầu lông			1	6.67	1	6.67	2	13.33
6	Điền kinh			4	26.67			4	26.67
7	Quản lý TDTT			1	6.67			1	6.67
8	Thể dục			3	20			3	20.00
9	Bóng đá							0	0.00
10	Võ							0	0.00
11	Cờ vua							0	0.00
Tổng		0	0	12	80	3	20	15	

(Nguồn số liệu: Khoa NT và TDTT)

Bảng 2. Thống kê giảng viên theo độ tuổi của Khoa NT và TDTT năm học 2017 - 2018

TT	Độ tuổi	Năm học 2017-2018	Tỷ lệ
1	< 30 tuổi	08	53,3
2	30 - 40 tuổi	05	33,3
3	41 - 50 tuổi	0	0
4	51 - 60 tuổi	2	13,4
	Tổng số	15	

(Nguồn số liệu: Khoa NT và TDTT)

Bảng 3. Công trình TDTT phục vụ đào tạo sinh viên ngành GDTC Trường ĐH HV

T T	Môn học	Số lượng (cái)	Diện tích (m ²)	Ghi chú	Phục vụ	
					Giảng dạy	Ngoại khóa
1	Bóng chuyền	2	363m ²	Sân chung	x	x
2	Bóng đá	1	1.000m ²	Sân 7 người	x	x
3	Bóng ném	01			x	x
4	Bóng rổ	2			x	x
5	Cầu lông, Đá cầu	02	363m ²	Nhà tập	x	x*
6	Điền kinh	0		Theo địa hình	x	x
7	Quản lý TDTT			Giảng đường		
8	Võ thuật, Thể dục, Bóng bàn	1	400m ²	Nhà tập	x	x*
9	Bơi lội	0		Bể bơi thuê	x	0
10	Cờ vua	20 bộ		Giảng đường	x	x
11	Quần vợt	0			x	x
<i>* Câu lạc bộ, tập luyện có hướng dẫn</i>						
<i>Nguồn số liệu: Khoa NT và TDTT</i>						

phù hợp cử cán bộ đi đào tạo ở tất cả các bậc học từ cao học trở lên.

2.1.4. Thực trạng cơ sở vật chất TDTT của Trường ĐHHV

Cơ sở vật chất là nguồn lực quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động đào tạo TDTT. Chúng tôi tìm hiểu về dụng cụ, sân bãi và các tài liệu phục vụ đào tạo.

Thống kê thực trạng sân bãi và dụng cụ tập luyện phục vụ đào tạo cử nhân Ngành GDTC ở Trường ĐHHV được trình bày tại bảng 3.

Từ kết quả thu được ở bảng 3 cho thấy:

Công trình TDTT của Trường ĐHHV gồm hai nhóm phân loại chính: Sân tập và nhà tập. Để phục vụ giảng dạy chương trình đào tạo ngành GDTC, Trường ĐHHV cần phải hoàn thiện thêm một số hạ tầng công trình TDTT như: sân điền kinh, sân bóng đá, sân tennis, bể bơi. Đặc biệt là sân điền kinh, sân bóng đá, bể bơi, sân bóng rổ, bóng ném... là những công trình hết sức cơ bản để phát triển thể lực cho SV ngành GDTC nói riêng và đặc biệt nội dung điền kinh, bóng đá là 1 trong 5 môn chuyên sâu. Còn nhiều khu vực phải dùng chung cho nhiều môn Thể thao như cầu lông, đá cầu, thể dục, võ, bóng bàn....

Kết quả khảo sát cũng cho thấy nhà trường đã có sự khai thác tốt để phục vụ giảng dạy và tập luyện ngoại khóa cho SV. Tuy nhiên, công trình

TDTT cần tiếp tục được đầu tư để đảm bảo cho công tác giảng dạy ngành GDTC nói chung và môn chuyên sâu nói riêng.

Thư viện của Nhà trường tại tầng 3 nhà hành chính hiện bộ với 01 sảnh lớn, 08 phòng chức năng hiện đại, Trung tâm Thông tin Tư liệu Thư viện có 8.214 đầu sách, trong đó sách phục vụ đào tạo ngành GDTC có 93 đầu sách với tổng số 1872 cuốn, sách báo giải trí là 1.760 đầu.

Song song với hệ thống sách và giáo trình, thư viện nhà trường còn đáp ứng nhu cầu tham khảo của độc giả với số lượng 50 đầu báo, tạp chí và tập san liên quan đến các lĩnh vực đào tạo của nhà trường; 888 luận văn thạc sĩ, luận án và khóa luận.

Như vậy, có thể thấy tiêu chí đánh giá về Thư viện, giáo trình, sách và tài liệu tham khảo đảm bảo cho công tác giảng dạy và học tập ngành GDTC.

2.1.5. Thực trạng chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC, Trường ĐHHV

Chương trình đào tạo ngành GDTC của Trường ĐHHV được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ (chưa kể 8 tín chỉ Giáo dục Quốc phòng và An ninh) trong đó:

Khối kiến thức giáo dục đại cương: 43 tín chỉ

Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc: 39 tín chỉ

Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn: 04 tín chỉ

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 tín chỉ

Kiến thức cơ sở ngành: 25 tín chỉ

Kiến thức ngành bắt buộc: 33 tín chỉ

Môn chuyên sâu: 10 tín chỉ

Kiến thức ngành tự chọn: 04 tín chỉ

Thực tập: 8 tín chỉ

Khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp: 7 tín chỉ

Hướng dẫn thực hiện chương trình

Quá trình thực hiện chương trình căn cứ vào quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục – Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, đồng thời căn cứ vào những quy định hiện hành của Trường ĐHHV và Bộ Giáo dục - Đào tạo để thực hiện chương trình.

Đối với chương trình chi tiết của từng học phần, quá trình thực hiện có thể được đổi mới theo hướng đem lại hiệu quả cao trong đào tạo. Sự thay đổi này phải được thông qua Bộ môn, Khoa và được Ban Giám hiệu phê duyệt.

Căn cứ kết quả tổng hợp và phân tích kết quả đánh giá của một số chương trình dựa trên 15 tiêu chuẩn của AUN-QA và Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời căn cứ vào điều kiện thực tiễn của Trường ĐHHV. Luận án đã xác định một số tiêu chí bước đầu dùng để đánh giá chương trình đào tạo. Các tiêu chí cụ thể như sau:
Chuẩn đầu ra của chương trình.

Tiêu chí này được đánh giá thông qua việc nhận định về: Mục tiêu của chương trình đào tạo đại học ngành GDTC của Trường ĐHHV được xác định rõ ràng phù hợp với mục tiêu toàn diện cho SV; Chương trình đào tạo đại học ngành GDTC cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành, thái độ đảm bảo cho SV rèn luyện sức khỏe và tham gia vào hoạt động trong và ngoài trường; Đảm bảo được yêu cầu về chuẩn đầu ra đối với đào tạo giáo viên Thể dục có trình độ đại học.

Nội dung chương trình đào tạo.

Tiêu chí này được đánh giá thông qua việc nhận định về: Mức độ phù hợp của chương trình đào tạo đại học ngành GDTC với trình độ đặc điểm tâm sinh lý của SV vùng Trung Bắc; Khối kiến thức các tín chỉ của môn học phù hợp với

định hướng đào tạo cán bộ, giáo viên thể dục vùng Trung Bắc; Đảm bảo tính pháp lý về thời lượng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo; Phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của Trường ĐHHV; Phù hợp với trình độ chuyên môn của giảng viên Khoa NT và TDDT, Trường ĐHHV.

Cấu trúc chương trình.

Tiêu chí này được đánh giá thông qua việc nhận định về: Đảm bảo hợp lý cấu trúc nội dung các học phần; Thời lượng từng học phần thiết kế hợp lý; Phù hợp với xu thế đào tạo theo hệ thống tín chỉ; Đảm bảo nâng cao tính tích cực cho người học.

Kiểm tra – đánh giá môn học.

Tiêu chí này được đánh giá thông qua việc nhận định về: Hình thức kiểm tra – đánh giá phù hợp với mục tiêu của môn học; Khuyến khích được SV học tập hiệu quả hơn; SV hài lòng về việc đánh giá kết quả học tập môn học.

Chất lượng đội ngũ giảng viên.

Tiêu chí này được đánh giá thông qua việc nhận định về: Năng lực của giảng viên có tương xứng với nhiệm vụ được giao; Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện tốt chương trình đào tạo đại học ngành GDTC của Trường ĐHHV.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị.

Tiêu chí này được đánh giá thông qua việc nhận định về: Cơ sở vật chất đảm bảo đáp ứng yêu cầu các học phần trong chương trình đào tạo nói chung và môn chuyên sâu nói riêng; Đủ giáo trình, tài liệu, sân bãi dụng cụ...

Hoạt động ngoại khóa.

Tiêu chí này được đánh giá thông qua việc nhận định về: Mức độ hoạt động hiệu quả của câu lạc bộ Thể thao; tập luyện ngoại khóa của SV; Thành tích thi đấu của SV.

Đánh giá kết quả học tập.

Tiêu chí này được đánh giá thông qua việc nhận định về: Kết quả học tập ở môn chuyên sâu; Tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đánh giá chương trình đào tạo trình độ Đại học

Để đánh giá chương trình đào tạo đại học, cần thực hiện theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thang đo đánh giá chương trình đào tạo gồm 7 mức như sau:

- Mức 1: Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu, phải có giải pháp khắc phục ngay;
- Mức 2: Không đáp ứng yêu cầu, cần có

những giải pháp khắc phục;

c) Mức 3: Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhưng chỉ cần có một số cải tiến nhỏ sẽ đáp ứng được yêu cầu;

d) Mức 4: Đáp ứng yêu cầu;

đ) Mức 5: Đáp ứng tốt;

e) Mức 6: Đáp ứng rất tốt;

g) Mức 7: Đáp ứng xuất sắc.

Giá trị trung bình thu đạt được dựa trên thang đo khoảng cách: $(x_{\max} - x_{\min}) / x_{\max}$. Ở đây, giá trị khoảng cách của thang đo là $(7-1)/7 = 0.85$.

Kết quả đánh giá bước đầu được thực hiện thông qua phỏng vấn 35 giảng viên, cán bộ quản lý, các chuyên gia. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 4.

Từ kết quả thu được ở bảng 4 cho thấy: Khi tính điểm trung bình (Mean) theo thang đo thì cao nhất là 4.46 điểm và thấp nhất là 4.11 điểm. So sánh điểm trung bình theo thang đo thì đều nằm trong khoảng từ 3.58 – 4.43 (mức bình thường). Như vậy, đa số các ý kiến phỏng vấn đều đánh giá chương trình môn chuyên sâu cho SV ngành GDTC, Khoa NT và TDTT còn ở mức độ chất lượng bình thường. Kết quả này cho thấy cần phải có giải pháp để nâng cao công tác đào tạo môn chuyên sâu cho SV ngành GDTC, Khoa NT và TDTT của Trường ĐHHV.

Nhận xét: Từ kết quả thống kê chương trình

đào tạo môn chuyên sâu trong chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC, Trường ĐHHV cho thấy: Nội dung trong chương trình đào tạo môn chuyên sâu đã đảm bảo đúng quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo. Chương trình đào tạo có sự mềm dẻo trong việc SV được tự chọn các môn chuyên sâu. Đảm bảo thực hiện được chuẩn đầu ra của bậc đại học, đồng thời phù hợp với thực tế về đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực TDTT cho tỉnh Phú Thọ và vùng Trung Bắc.

Đối với các môn chuyên sâu được lựa chọn theo các quy định do Khoa NT và TDTT đưa ra, nhằm đào tạo các SV có năng lực chuyên môn cao (khả năng sư phạm và thực hành Thể thao) đối với môn chuyên sâu. Đây là cơ sở quan trọng làm nền tảng đáp ứng các chuẩn đầu ra đối với ngành đào tạo với đặc thù TDTT.

Như vậy thông qua chương trình đào tạo môn chuyên sâu được thống kê, luận án bước đầu đã xác định được các môn chuyên sâu cho SV ngành GDTC, Trường ĐHHV.

Căn cứ vào chương trình đào tạo môn chuyên sâu cho SV ngành GDTC, Trường ĐHHV sẽ là cơ sở để đánh giá các điều kiện đảm bảo về số lượng giảng viên, trình độ giảng viên và các điều kiện cơ sở vật chất nhằm nâng cao công tác đào tạo môn chuyên sâu cho SV ngành GDTC, Trường ĐHHV.

Bảng 4. Kết quả phỏng vấn đánh giá chương trình đào tạo môn chuyên sâu cho sinh viên ngành GDTC Trường ĐHHV (n= 35)

TT	Tiêu chí	Các mức độ							Kết quả	
		1	2	3	4	5	6	7	Trung bình	Xếp loại
1	Chuẩn đầu ra của học phần				22	10	3		4.46	Đáp ứng tốt yêu cầu
2	Nội dung học phần				30	5			4.14	Đáp ứng được yêu cầu
3	Cấu trúc học phần				31	4			4.11	Đáp ứng được yêu cầu
4	Kiểm tra - đánh giá học phần				29	5	1		4.20	Đáp ứng được yêu cầu
5	Chất lượng đội ngũ giảng viên				28	6	1		4.23	Đáp ứng được yêu cầu
6	Cơ sở vật chất và trang thiết bị				30	4	1		4.17	Đáp ứng được yêu cầu
7	Hoạt động ngoại khóa				32	2	1		4.11	Đáp ứng được yêu cầu
8	Đánh giá kết quả học tập				32	1	2		4.14	Đáp ứng được yêu cầu

Bảng 5. Tổng số người học được đào tạo từ năm 2012 - 2018 hệ chính quy của Khoa NT và TDTT

Khóa	Tổng	Sinh viên chính quy tốt nghiệp lần 1	Số người học được đào tạo ở các hệ		Số sv khảo sát	Số sinh viên có việc làm	Tỷ lệ %
			Nam	Nữ			
Khóa 10	40	32	39	1	30	28	93,33
Khóa 11	34	29	32	2	32	26	81,25
Khóa 12	16	11	16	0	16	4	25,00
Khóa 13	5	Đang đào tạo	4	1	Chưa tốt nghiệp		
Khóa 14	5		3	2			
Khóa 15	6		5	1			
Khóa 16	8		6	2			

(Nguồn <https://www.hvu.edu.vn/tin-tuc/cong-khai.hvu>)

Dựa vào chương trình đào tạo môn chuyên sâu để làm cơ sở đối chiếu chương trình môn học chi tiết với các cơ sở đào tạo cán bộ TDTT khác, cũng như làm cơ sở lựa chọn các giải pháp liên quan đến việc sử dụng, liên kết với các chương trình môn học của các cơ sở đào tạo cán bộ TDTT tiên tiến ở trong nước và khu vực.

2.2. Kết quả công tác đào tạo của Khoa NT và TDTT Trường ĐHHV

Kết quả tuyển sinh, đào tạo của của Nghệ thuật và TDTT giai đoạn 2012 – 2018.

Năm học 2012-2013 trường ĐHHV được Bộ GD và ĐT cho phép đào tạo cử nhân ngành GDTC. Đến năm 2018 trường đã có 3 khóa đại học GDTC ra trường (K10,11,12). Kết quả được trình bày tại bảng 5

Qua bảng 5 cho thấy. Công tác tuyển sinh của nhà trường gặp rất nhiều khó khăn, số lượng SV tuyển hàng năm giảm rất nhanh năm 2012 (K10) có 40 SV thì đến năm 2015, 2016 (K13, K14) chỉ có 5 SV. Việc làm của SV sau khi tốt nghiệp những năm gần đây cũng chiếm tỷ lệ thấp khóa 12 ra trường chỉ có 25% SV có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Trình độ chuyên môn của môn CS được đánh giá thông qua nhiều yếu tố như: năng lực vận động chuyên môn; năng lực tổ chức giờ học, phương pháp giảng dạy và kết quả học tập. Trong đó, kết quả học tập môn CS phản ánh tương đối chính xác trình độ chuyên môn môn chuyên sâu của SV ngành GDTC, bởi vì SV được học tập trong từng học kỳ và được kiểm tra đánh giá theo nội dung chương trình, kế hoạch của nhà trường.

Để tiến hành đánh giá thực trạng kết quả học tập môn CS, luận án tiến hành thống kê điểm thi

lần 1 trong 04 học kỳ môn chuyên sâu của SV ngành GDTC, các khóa Đại học 11,12; trong 04 học kỳ môn chuyên sâu của SV ngành GDTC.

Kết quả được trình bày trên bảng 6 và bảng 7:

Sự khác biệt giữa các tiêu chí có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng $P < 0.01$ khi so sánh bằng chỉ số χ^2 tính $= 5.22 > \chi^2$ bảng = 5.991 với độ tự do là 2.

Phân tích kết quả cho thấy: Kết quả học tập môn chuyên sâu của SV khóa Đại học 11,12, ngành GDTC, Trường ĐHHV ở các học kỳ 1,2,3,4. Thông qua các nội dung kiểm tra ta có kết quả học tập môn chuyên sâu của SV ngành GDTC không đồng đều giữa các học kỳ, thể hiện tính không ổn định giữa các học phần. Đặc biệt, SV có điểm học phần xếp loại khá giỏi (điểm A và B) chiếm tỷ lệ 100%, đặc biệt có học kỳ 4 SV có điểm A chiếm tỷ lệ 96.55%. Điều này cho thấy quá trình kiểm tra đánh giá SV còn bất cập, chưa đảm bảo đánh giá đúng năng lực người học, không có tính phân loại SV.

2.3. Đánh giá thực trạng trình độ thể lực của nam SV Trường ĐHHV

Căn cứ theo Quyết định 53/2008-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá thể lực của học sinh, SV, trong đó có nêu rõ việc sử dụng 4/6 test để tiến hành đánh giá và xếp loại thể lực của học sinh, SV. Qua trao đổi mạn đàm với các nhà khoa học và căn cứ vào tình hình thực tiễn, luận án xác định 4 test được sử dụng để đánh giá, xếp loại thể lực cho SV Trường ĐHHV, đó là: Lực bóp tay thuận (kg), Bật xa tại chỗ (cm), Chạy 30m XFC (s), Chạy tùy sức 5 phút (m).

Trên cơ sở đó, chúng tôi tiến hành khảo sát

Bảng 6. Kết quả học tập môn chuyên sâu của sinh viên ngành GDTC khóa Đại học 11 (n = 29)

TT	Điểm chữ	Quy đổi	Loại	Học kì 3		Học kì 4		So sánh	
				n	%	n	%	χ^2	P
1	A	8.5-10	XS, Giỏi	22	75.86	28	96.55	5.22	>0.05
2	B	7.0-8.4	Khá	7	24.14	1	3.45		
3	C	5.5-6.9	TB						
4	D	4.0-5.4	yếu						
5	F	< 4.0	Kém						
Tổng				29	100	29	100		

Bảng 7. Kết quả học tập môn chuyên sâu của sinh viên ngành GDTC khóa Đại học 12

TT	Điểm chữ	Quy đổi	Loại	Học kì 1		Học kì 2		So sánh	
				n	%	n	%	χ^2	P
1	A	8.5-10	XS, Giỏi	2	18.18	4	36.36	0.92	>0.05
2	B	7.0-8.4	Khá	9	81.81	7	63.64		
3	C	5.5-6.9	TB	00	00	00	00		
4	D	4.0-5.4	Yếu	00	00	00	00		
5	F	< 4.0	Kém	00	00	00	00		
Tổng				11	100%	11	100%		

thực trạng thể lực của 40 SV khóa 11 và 12 thời điểm tháng 4/2018. Kết quả được trình bày tại bảng 8 và bảng 9.

Qua bảng 8, bảng 9 cho thấy thể lực của SV ngành GDTC Trường ĐHHV đảm bảo 100% theo tiêu chuẩn rèn luyện thể lực. Tuy nhiên số

Bảng 8. Thực trạng thể lực của nam sinh viên khóa 11 Trường ĐHHV (n=29)

TT	Nội dung kiểm tra	So sánh				Thống kê			
		Nam sinh viên khóa 11 Trường ĐHHV (n=29) ($\bar{x} \pm \delta$)	Tiêu chuẩn RLTL của sinh viên theo QĐ 53/2008 (mức đạt)	t	p	Số sv ở mức đạt theo QĐ 53/2008	Tỉ lệ % đạt	Số sv ở mức đạt tốt theo QĐ 53/2008	Tỉ lệ % tốt
1	Lực bóp tay thuận (kG)	44.30 $\pm$ 1.95	42	6.348	0.00	15	51.72	14	48.28
2	Bật xa tại chỗ (cm)	226.52 $\pm$ 3.00	209	31.42	0.00	18	62.07	11	37.93
3	Chạy 30m XFC (s)	5.06 $\pm$ 0.41	5.60	7.095	0.00	18	62.07	11	37.93
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	1077.55 $\pm$ 15.19	960	41.66	0.00	20	68.97	9	31.03

Bảng 9. Thực trạng thể lực của nam sinh viên khóa 12 Trường ĐHHV (n=11)

TT	Nội dung kiểm tra	So sánh				Thống kê			
		Nam sinh viên khóa 11 Trường ĐHHV (n=29) ($\bar{x} \pm \delta$)	Tiêu chuẩn RLTL của sinh viên theo QĐ 53 /2008 (mức đạt)	t	p	Số sv ở mức đạt	Tỉ lệ % đạt	Số sv ở mức tốt	Tỉ lệ % tốt
1	Lực bóp tay thuận (kg)	44.48 $\pm$ 2.01	42	4.092	0.02	6	54.55	5	45.45
2	Bật xa tại chỗ (cm)	226.55 $\pm$ 2.98	209	19.536	0.00	7	63.64	4	36.36
3	Chạy 30m XFC (s)	5.09 $\pm$ 0.42	5.60	3.992	0.03	7	63.64	4	36.36
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	1074.82 $\pm$ 17.57	960	21.672	0.00	8	72.72	3	27.28

SV ở mức đạt chiếm tỷ lệ cao từ 51.72% đến 72.72%, số lượng SV xếp loại thể lực có tỷ lệ thấp hơn 27.28% đến 48.28%. Đặc biệt là tố chất sức bền ở test chạy tùy sức 5 phút ở cả 2 khóa tỷ lệ SV có thể lực xếp ở mức tốt rất thấp chỉ từ 27.28 đến 31.03. Qua kết quả kiểm tra thể lực của SV ngành GDTC cho thấy, quá trình đào tạo chỉ chú trọng cung cấp kiến thức chuyên môn mà không chú trọng phát triển toàn diện các tố chất thể lực cho SV.

3. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu về thực trạng công tác đào tạo của Khoa NT và TDDT Trường ĐHHV cho thấy: Khoa đã có những điều kiện đảm bảo cho công tác GDTC về cơ cấu tổ chức, đội ngũ giảng viên có trình độ, có chế độ chính sách ưu đãi đối với giảng viên, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo.... Tuy nhiên bên cạnh những mặt thuận lợi, nghiên cứu cũng chỉ ra những tồn tại cần khắc phục: Đội ngũ giảng viên cần tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn để đảm bảo đủ số lượng giảng viên có trình độ cao; Cơ sở vật chất còn thiếu. Công tác kiểm tra đánh giá còn chưa sát với thực tế và thiếu tính phân loại người học. Thể chất của SV ở mức tốt còn chiếm tỷ lệ thấp.

Như vậy, để thực hiện tốt mục tiêu của Chiến lược của Trường ĐHHV đến năm 2030, Khoa NT và TDDT cần có chiến lược phát triển, giải pháp phù hợp để nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khoa TDDT, Trường ĐHHV (2016,

2017,2018), *Báo cáo tổng kết năm học*.

2. Khoa NT và TDDT Trường ĐHHV (2019) **Kỷ yếu hội thảo** Đổi mới chương trình GDTC đáp ứng chương trình Giáo dục phổ thông mới hiện nay

3. Trường ĐHHV (2017) Quyết định số 1595 /QĐ-ĐHHV ngày 27 tháng 12 năm 2017 Về việc ban hành *Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy năm 2017 của trường ĐHHV*.

4. Trường ĐHHV (2018) Báo cáo tự đánh giá Đề đề nghị thẩm định và công nhận kết quả kiểm định chất lượng giáo dục.

Nguồn bài báo: Bài báo được trích dẫn từ luận án tại cơ sở đào tạo Viện Khoa học TDDT – “Nâng cao chất lượng đào tạo môn chuyên sâu cho SV ngành GDTC, trường ĐHHV”, Cao Huy Tiến – Khoa NT và TDDT, Trường ĐHHV.

Ngày nhận bài: 21/09/2021; **Ngày duyệt đăng** 15/11/2021.



Ảnh minh họa